

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST

Ngày 01/03/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Xuân Quốc - Giáo viên nghỉ hưu thị trấn T.

+ Bà Nguyễn Thị Thắm - Phó Bí thư huyện đoàn L.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2023/TLST-HS, ngày 02/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS, ngày 19/02/2024, đối với bị cáo:

- Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/10/2007; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Hà và con bà Nguyễn Thị Huế; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 26/4/2023, bị cáo T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện L ra Quyết định số 31 áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi trộm cắp tài sản trong thời hạn 06 tháng, từ ngày 28/4/2023 đến ngày 28/10/2023. Ngày 30/6/2023, bị cáo T bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện L ra Quyết định số 65 xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; nhân thân: Bị cáo T bị Công an xã B, huyện L ra Quyết định số 03 ngày 14/4/2023 và Quyết định số 04 ngày 18/4/2023 xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo T đã chấp hành xong hai Quyết định trên.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh B (có mặt).

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).
- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn Hà, sinh năm 1968 (có mặt).
- Bà Nguyễn Thị Huế, sinh năm 1977 (có mặt).

Đều nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh B.

*** Người đại diện theo pháp luật của bị cáo:** Ông Nguyễn Văn Hà, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh B (có mặt).

*** Người bào chữa cho bị cáo T:** Ông Nguyễn Văn Hải - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm và không có tiền chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Văn T nảy sinh đi tìm sở hữ của các chủ quản lý tài sản mục đích trộm cắp tài sản.

Khoảng 6 giờ ngày 05/12/2023, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha màu đỏ, biển kiểm soát (BKS): 99F1-505.59 (T mượn của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; trú tại: Thôn Liễu Lâm, xã Song Liễu, thị xã Thuận Thành, tỉnh B) đi từ thị xã Thuận Thành đến cửa hàng bán đồ ăn của gia đình ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1970 ở thôn N, xã L, huyện L, tỉnh B. T vào cửa hàng thấy bà Vũ Thị H, sinh năm 1971 (là vợ của ông Đ) đang bán hàng. T nói với bà H: T chờ bạn đến cùng ăn sáng. Sau đó, T đi vào khu nhà vệ sinh ở trong nhà của ông Đ bà H và thấy cửa phòng ngủ tầng một (giáp cầu thang tầng hai) đang mở. T quan sát thấy xung quanh không có ai trông giữ nên lẻn vào trong phòng. T thấy có 03 chiếc điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng để trên kệ gỗ cạnh cửa sổ, đối diện cửa ra vào phòng ngủ. T sử dụng tay phải lấy 03 chiếc điện thoại này đút vào túi quần phía trước bên phải T đang mặc rồi đi ra ngoài cửa quán ăn. T lấy lý do đi đón bạn rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Trên đường đi về, T tháo sim trong điện thoại Iphone 6 màu đen và Iphone 4 màu trắng cất giấu trong túi áo phía trước bên phải T đang mặc. Khoảng 6 giờ 30 phút cùng ngày, T về đến nhà, T cất giấu 03 chiếc điện thoại vừa trộm cắp tại túi quần phía trước bên phải và không nói cho bà Nguyễn Thị Huế, sinh năm

1977; trú tại: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh B (mẹ của T) biết việc T vừa đi trộm cắp tài sản. Sau đó, T đưa bà Huế và cháu đi khám bệnh tại Trung tâm y tế huyện L. Sau khi khám bệnh xong, khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, T đưa mẹ về nhà rồi điều khiển xe mô tô đến một cửa hàng điện thoại (T không nhớ cụ thể đặc điểm, địa chỉ cụ thể của cửa hàng điện thoại) tại khu phố Dầu, phường Thanh KH, thị xã Thuận Thành, tỉnh B để bán 03 chiếc điện thoại trên với giá 1.000.000 đồng. Sau khi bán điện thoại, T về phòng trọ ở Xuân Lâm, thị xã Thuận Thành, tỉnh B. Số tiền bán điện thoại, T đã tiêu sài cá nhân hết.

Khoảng 6 giờ 30 phút sáng ngày 05/12/2023, sau khi đi chợ về đến nhà, ông Đ kiểm tra và phát hiện gia đình bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám đều của ông Đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 của bà H để trên kệ gỗ trong phòng ngủ tầng một. Đến ngày 14/12/2023, ông Đ làm đơn trình báo đến Công an huyện L.

Đến 14 giờ ngày 15/12/2023, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên T đã đến Công an huyện L đầu thú và giao nộp 01 sim điện thoại Viettel, có số thuê bao là: 0985.260.138 do Nguyễn Văn T tháo ra từ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng mà T trộm cắp được tại nhà ông Đ bà H.

Ngày 15/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ban hành Yêu cầu định giá số 01 gửi Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L, định giá đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, đã qua sử dụng. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 61/KL-HĐĐG ngày 15/12/2023, kết luận: Tổng giá trị tài sản đề nghị định giá là 3.800.000 đồng. Trong đó, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen trị giá 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám trị giá 1.500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 trị giá 800.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT -VKSLT, ngày 02/02/2024 của VKSND huyện L đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; khoản 1, Điều 91; Điều 96 Bộ luật Hình sự. Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Áp dụng biện pháp tư pháp Giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo trong thời hạn từ 12 tháng đến 15 tháng, kể từ ngày bị cáo bị đưa vào trường giáo dưỡng. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo nên không xem xét, giải quyết.

+ Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 sim điện thoại có số: 0985.260.138 của bà H do bị cáo T giao nộp. Cơ quan điều tra Công an huyện L đã trả sim số điện thoại này cho chồng bà H là ông Nguyễn Quang Đ là phù hợp quy định pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Bản luật tội của Kiểm sát viên công bố tại phiên tòa. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX khi quyết định bản án căn cứ vào nhân thân, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định thời hạn đưa vào trường giáo dưỡng là 12 tháng là phù hợp quy định pháp luật.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo nhất trí với quan điểm của người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị hại là ông Nguyễn Quang Đ và bà Vũ Thị H đều vắng mặt. Nhưng ông Đ, bà H đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông ông Đ, bà H không

ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn T hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà H là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ ngày 05/12/2023, tại nhà ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1970 ở thôn N, xã L, huyện L, tỉnh B, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, đều của ông Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng của bà Vũ Thị H, đều đã qua sử dụng. Tổng trị giá tài sản bị cáo trộm cắp là 3.800.000 đồng. Xét hành vi và trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của ông Đ bà H như đã nêu trên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng số: 07/CT -VKSLT, ngày 02/02/2024 của VKSND huyện L đã truy tố là đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 bị cáo 04 bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi trộm cắp là trái pháp luật, nhưng chỉ vì lười lao động để tiền tiêu sài cá nhân mà bị cáo đã phạm tội. Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi biết không thể trốn tránh được sự trừng phạt của pháp luật nên bị cáo đã đến Cơ quan Điều tra để đầu thú. Ngoài ra bị cáo còn tác động đến gia đình để gia đình bị cáo bồi thường đầy đủ cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông ngoại tH bình loại A và được tặng Huân cH kháng chiến hạng Ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về việc xử lý đối với bị cáo: Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Trước lần phạm tội này, bị cáo chưa từng phạm tội. Xét hoàn cảnh dẫn đến việc phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo học hết lớp 8/12 thì bỏ học. Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định sau khi nghỉ học. Bố mẹ đẻ bị cáo cũng thừa nhận, bị cáo phạm tội là do gia đình chưa quan tâm, chăm sóc bị cáo đầy đủ. Việc gia đình chưa chăm sóc, giáo dục đầy đủ và học vấn thấp là một nguyên nhân dẫn đến việc từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 bị cáo đã 04 lần bị xử phạt hành

chính về hành vi trộm cắp tài sản và tháng 12/2023 bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên, hiện tại việc áp dụng giáo dục của gia đình không còn hiệu quả với bị cáo và bị cáo cũng không còn học tập tại trường phổ thông. Xét thấy cần áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng với kỷ luật chặt chẽ, nghiêm khắc trong sinh hoạt, học tập thì mới có thể là đủ để giúp cho bị cáo học tập, cải tạo trở thành người tốt mà không nhất thiết phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 90, 91, 96 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp Giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo. Thời hạn giáo dục tại trường giáo dưỡng được căn cứ vào mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng như đặc điểm nhân thân bị cáo.

Liên quan trong vụ án này còn có:

Đối với 01 chiếc mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave Alpha màu đỏ, BKS: 99F1-505.59 bị T đến nhà ông Đ để trộm cắp tài sản. Xét thấy, Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định chiếc xe trên đăng ký chủ sở hữu là Nguyễn Văn Tới; ông Tới giao chiếc xe trên cho anh Nguyễn Văn Đ để sử dụng làm pH tiện đi lại. Ngày 05/12/2023, bị cáo T mượn anh Đ chiếc xe mô tô trên để đi về nhà tại thôn N, xã B, huyện L. Anh Đ không biết việc T sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản. Bị cáo T đã lại trả xe cho anh Đ. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không thu giữ chiếc xe mô tô trên là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Theo bị cáo T khai đã bán 03 chiếc điện thoại ở cửa hàng điện thoại ở khu phố Dâu, phường Thanh KH, thị xã Thuận Thành, tỉnh B. Xét thấy, do bị cáo không biết cụ thể đặc điểm, địa chỉ của cửa hàng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã T hành xác làm rõ, khi nào làm rõ sẽ T hành xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Huế là mẹ của bị cáo T; xét thấy, Quá trình điều tra xác định: Bị cáo T không nói cho bà Huế biết việc bị cáo đi trộm cắp tài sản; bà Huế cũng không biết việc T đi trộm cắp. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không xem xét, xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; người có quyền lợi và liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám, đều là tài sản của ông Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng là tài sản của bà Vũ Thị H; xét thấy, 03 chiếc điện thoại trên bị cáo không nhớ đã bán

cho cửa hàng điện thoại nào nên CQĐT huyện L không thu hồi được, Do vậy, HĐXX không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đối với 01 sim điện thoại có số: 0985.260.138 do bị cáo T giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện L. Xét thấy, sim số điện thoại này bị cáo tháo ra từ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu trắng do bị cáo T đã trộm cắp được của bà H, là tài sản hợp pháp của bà H. Ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho bà H là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; khoản 1 Điều 91 và Điều 96 Bộ luật Hình sự. Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng biện pháp Giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo Nguyễn Văn T trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày bị cáo được đưa vào trường giáo dưỡng. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

* Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện L.
- THADS huyện L.
- Nhà Tạm giữ Công an huyện L tỉnh B.
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

